

Bản án số: 03/2023/HS-ST
Ngày 20-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA CHÈ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Phương và ông Bàn Văn Sắn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Chè, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chè, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thăng Long - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14, 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Chè, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2023/TLST - HS ngày 09 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST - HS ngày 17 tháng 02 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Dương Sâm M**; sinh ngày 02/5/1962, tại xã K, huyện Đ, tỉnh L; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Dì T (đã chết) và bà Chìu Nhì M2 (đã chết); có chồng là Đặng Hiệu A, có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1987, con nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 23/11/2022 đến ngày 19/01/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "bảo lãnh", hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

* **Người bào chữa cho bị cáo:** Anh Hoàng Văn S; sinh năm: 1991 - Luật sư Công ty Luật TNHH A thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

* **Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Q; địa chỉ: đường H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Q. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự: ông Nguyễn Quang T - chức vụ (hiện tại): Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, tỉnh Q (theo văn bản ủy quyền lập ngày 17/01/2023); vắng mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** anh Đặng Phúc M1; sinh năm: 1987; nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Q; có mặt.

* **Người làm chứng:** ông Đặng Hiệu A; sinh năm: 1966; nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Q; vắng mặt.

* **Người chứng kiến:** chị Ninh Thị H; sinh năm: 1983; nơi cư trú: thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Q; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2009, cá nhân Dương Sám M được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP425267 với diện tích 19.000m² thuộc lô 6 (nay là lô 14), thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Q, với mục đích để khoanh nuôi bảo vệ rừng, thời hạn sử dụng 50 năm. Toàn bộ diện tích 19.000m² giao cho Dương Sám M là rừng tự nhiên. Trong khoảng 03 năm đầu, M được Nhà nước trả từ 300.000 đồng đến 600.000 đồng tiền công chăm sóc, khoanh nuôi bảo vệ. Mặc dù biết rõ đây là diện tích rừng được nhà nước giao cho để khoanh nuôi bảo vệ, nhưng M vẫn nảy sinh ý định chặt phá rừng để lấy đất trồng cây keo. Từ khoảng tháng 3 đến tháng 4 năm 2022, M một mình sử dụng dao quắm, cưa máy chặt phá rừng tại lô 14 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, diện tích chặt phá là 12.500m² (mười hai nghìn năm trăm mét vuông).

Ngày 27/6/2022, Tổ công tác Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường - Công an tỉnh Quảng Ninh phối hợp với Hạt kiểm lâm huyện B và Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B tiến hành khảo sát, phát hiện việc chặt phá rừng tại vị trí nêu trên.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 12/7/2022 thể hiện: Hiện trường vụ hủy hoại rừng tại lô 14, khoảng 15, tiểu khu 129, thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện B tỉnh Q, được Nhà nước giao cho bà Dương Sám M khoanh nuôi bảo vệ rừng. Diện tích rừng bị chặt hạ có diện tích 12.500m² (mười hai nghìn năm trăm mét vuông). Tổng số cây rừng tự nhiên bị chặt hạ là 435 cây (chủ yếu là Cheo, Thầu tấu, Dẻ...), đường kính tại vị trí 1,3m trung bình 16,5cm; chiều cao vút ngọn trung bình 8,1m; tổng khối lượng = 52,89m³, đường kính tán cây trung bình 2,9m; độ tàn che 0,27. Dấu vết để lại tại vị trí số cây rừng tự nhiên bị chặt hạ được xác định hủy hoại bằng dao, cưa, các thân cây bị chặt hạ nằm đổ tại gốc chặt; tán cây nằm phủ trên mặt đất, lá đã khô héo, chưa rụng. Đối chiếu với: Bản đồ kiểm kê rừng 2015 (ban hành kèm theo quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 14/3/2016, của UBND tỉnh Q, về phê duyệt kết quả kiểm kê rừng tỉnh Q năm 2015); Bản đồ theo dõi diễn biến tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp năm 2021 (ban hành kèm theo quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 28/01/2022, của UBND huyện B về phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng và quy hoạch phát triển rừng huyện B năm 2021); Bản đồ quy hoạch ba loại rừng (ban hành kèm theo Quyết định số 3722/QĐ-UBND ngày 19/9/2018, của UBND tỉnh Q), xác định: Khu vực có cây rừng tự nhiên bị chặt hạ tại hiện trường có hiện trạng là DT2 (Đất trồng có cây gỗ tái sinh), quy hoạch là rừng sản xuất.

Tại bản kết luận giám định số 941/KL-TGD ngày 04/8/2022 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Q kết luận: Tổng diện tích có cây rừng tự nhiên bị chặt phá tại lô 14, khoảng 15, tiểu khu 129, thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện B là 12.500m² (mười hai nghìn năm trăm mét vuông); diện tích 12.500m² cây rừng tự nhiên bị chặt hạ đạt tiêu chí là rừng tự nhiên, thuộc trạng thái “rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt, ký hiệu là TXK”. Đối chiếu với Bản đồ kèm theo Quyết định số 3722/QĐ-UBND ngày 19/9/2018 của UBND tỉnh Q “Về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Q” xác định diện tích

12.500m² có cây rừng tự nhiên bị chặt phá thuộc quy hoạch rừng sản xuất. Tổng khối lượng gỗ rừng bị chặt phá (435 cây) là: 52,89m³ (năm mươi hai phẩy tám mươi chín mét khối). Trong số 435 cây rừng tự nhiên bị chặt hạ không có loài cây thuộc “Danh mục thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm” ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ và “Danh mục loài nguy cấp quý hiếm được ưu tiên bảo vệ” ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HDDGTS ngày 07/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, kết luận: Tiền bồi thường thiệt hại đối với người có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại về rừng trong vụ án như sau:

- Giá trị tài sản là rừng đối với tổng khối lượng gỗ cây rừng tự nhiên bị hủy hoại 52,89m³ tại thời điểm tháng 11 năm 2022, đều không thuộc loài nguy cấp, quý hiếm là: 65.995.000 đồng (sáu mươi năm triệu chín trăm chín mươi năm nghìn đồng).

- Giá trị thiệt hại về môi trường đối với tổng khối lượng gỗ của cây rừng tự nhiên bị hủy hoại 52,89m³ tại thời điểm tháng 11 năm 2022, đều không thuộc loài nguy cấp, quý hiếm là: 197.985.000 đồng (một trăm chín mươi bảy triệu chín trăm tám mươi năm nghìn đồng).

Tổng số tiền bồi thường thiệt hại là 263.980.000 đồng (hai trăm sáu mươi ba triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Vật chứng thu giữ được trong quá trình điều tra vụ án gồm: 01 con dao quắm dài 56cm và 01 cửa máy nhãn hiệu Husqvarna, lưỡi máy bằng kim loại gắn xích, chiều dài máy 90cm, máy cửa đã qua sử dụng. Đối với 435 cây gỗ rừng tự nhiên bị chặt hạ thu giữ được cơ quan điều tra đã giao cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B quản lý, bảo vệ theo quy định.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Dương Sâm M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu. Bị cáo còn khai nhận khi chặt phá rừng, bị cáo không xin phép chính quyền địa phương hoặc cơ quan chức năng. Bị cáo biết rõ việc chặt phá rừng là vi phạm pháp luật nhưng để mở rộng thêm diện tích trồng cây Keo phát triển kinh tế nên bị cáo đã thực hiện hành vi chặt phá rừng. Việc hủy hoại rừng do một mình bị cáo thực hiện, không có ai khác cùng tham gia. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự. Trong quá trình điều tra và giai đoạn xét xử sơ thẩm vào các ngày 16/01/2023, 17/01/2023, 14/3/2023 và 20/3/2023 bị cáo đã tác động và nhờ con đẻ của mình là anh Đặng Phúc M1 tự nguyện đến Chi cục thi hành án dân sự huyện B nộp trước toàn bộ khoản tiền bồi thường, khắc phục hậu quả do hành vi hủy hoại rừng gây ra là 263.980.000 đồng (hai trăm sáu mươi ba triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng). Đối với 435 cây rừng bị chặt hạ, do bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại nên đề nghị được nhận để sử dụng.

Đại diện cho nguyên đơn dân sự, vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại các biên bản làm việc với Ủy ban nhân dân huyện B, các lời khai trong giai đoạn điều tra và tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 20/02/2023 có quan điểm thể hiện: Diện tích rừng mà bị cáo Dương Sâm M chặt phá đã được Nhà nước giao cho cá nhân bị cáo M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp như nội dung vụ án nêu trên là rừng được giao với mục đích khoanh nuôi, bảo vệ, quy hoạch là rừng sản

xuất. Đại diện cho nguyên đơn dân sự đề nghị bị cáo phải bồi thường cho Nhà nước toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra theo quy định của pháp luật, như nội dung Bản kết luận định giá đã xác định. Đối với 435 cây gỗ rừng tự nhiên thu giữ được trong quá trình điều tra vụ án, trong trường hợp bị cáo đề nghị được nhận để sử dụng thì nguyên đơn dân sự đồng ý theo yêu cầu của bị cáo.

Giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đặng Phúc M1 có lời khai và quan điểm thể hiện: Trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo đã nhờ anh M1 thay mình nộp trước một khoản tiền để bồi thường thiệt hại cho Nhà nước do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, tổng số tiền anh M1 đã nộp là 263.980.000 đồng (hai trăm sáu mươi ba triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng), theo các Biên lai thu tiền số 0006772 ngày 16/01/2023, số 0006778 ngày 17/01/2023, số 0006793 ngày 14/3/2023 và số 0006795 ngày 20/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Đây là khoản tiền riêng của cá anh M1 tự nguyện nộp thay cho bị cáo. Vì bị cáo là mẹ đẻ nên anh M1 không yêu cầu bị cáo phải trả lại khoản tiền này cho mình. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý với ý kiến, quan điểm của anh Đặng Phúc M1.

Người làm chứng, ông Đặng Hiệu A (là chồng của bị cáo) có lời khai tại giai đoạn điều tra thể hiện: toàn bộ diện tích rừng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP425267, diện tích 19.000m² thuộc lô 6 (nay là lô 14), thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Q được Nhà nước giao cho cá nhân bị cáo Dương Sám M. Thời điểm bị cáo chặt phá cây rừng để lấy diện tích trồng cây keo ông A đi chữa bệnh, không có mặt tại địa phương nên không biết nội dung sự việc, trước khi chặt phá, bị cáo không bàn bạc hay thông báo cho ông A được biết.

Người chứng kiến, chị Ninh Thị H có lời khai tại giai đoạn điều tra thể hiện: sau khi phát hiện sự việc hủy hoại rừng xảy ra tại vị trí đã nêu ở trên, đã được cơ quan chức năng mời chứng kiến trong quá trình khám nghiệm hiện trường, thu giữ những vật chứng (cây) nêu trên theo đúng quy định.

Tại bản Cáo trạng số: 02/CT-VKSBC ngày 09 tháng 02 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị can Dương Sám M, về tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 243; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Sám M từ 24 (hai mươi tư) đến 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 (bốn mươi tám) đến 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Q giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự (bồi thường thiệt hại): Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự: buộc bị cáo Dương Sám M phải bồi thường cho Nhà nước (do Ủy ban nhân dân huyện B làm đại diện) tổng số tiền 263.980.000 đồng (hai trăm sáu mươi ba

triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng) nhưng được trừ đi số tiền bị cáo đã bồi thường trước nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B là 263.980.000 đồng (hai trăm sáu mươi ba triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng).

- Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, các điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy: 01 con dao (dạng dao quắm), cán dao bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, tổng chiều dài 56cm, đã qua sử dụng. Tịch thu súng ngân sách Nhà nước: 01 cửa máy nhãn hiệu Husqvarna, màu đỏ, cam, lưỡi cửa bằng kim loại gắn dây xích, chiều dài máy là 90cm, đã qua sử dụng. Giao toàn bộ 435 cây gỗ rừng tự nhiên bị chặt hạ trên diện tích 12.500 m² tại lô 14, khoảnh 15, tiểu khu 129, thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện B tỉnh Q cho bị cáo sử dụng.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận nội dung bản cáo trạng truy tố về hành vi phạm tội của bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan, không sai, bị cáo không có ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo, anh Hoàng Văn S trình bày quan điểm: bị cáo là người dân tộc thiểu số nên vấn đề nhận thức về pháp luật có phần còn hạn chế; mục đích hủy hoại rừng của bị cáo là để tăng thêm diện tích trồng keo phát triển kinh tế, nuôi sống bản thân và gia đình; bị cáo là người cao tuổi; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; diện tích rừng bị hủy hoại (12.500m²) mới ở mức đầu theo quy định tại khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện tu dưỡng, rèn luyện, tiếp tục lao động, sản xuất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Phòng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh Quảng Ninh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Chẽ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chẽ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với sơ đồ, bản ảnh, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 4 năm 2022, tại lô 14, khoảnh 15, tiểu khu 129 thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Q, Dương Sâm M đã sử dụng dao quắm, cửa máy chặt phá 435 cây gỗ

trên diện tích 12.500m² (mười hai nghìn năm trăm mét vuông) rừng tự nhiên, có hiện trạng là “rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt, ký hiệu là TXK”, thuộc quy hoạch rừng sản xuất để lấy mặt bằng trồng cây Keo. Toàn bộ diện tích rừng tự nhiên bị hủy hoại, do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Q giao cho cá nhân bị cáo Dương Sám M với mục đích khoanh nuôi, bảo vệ. Tổng giá trị lâm sản và giá trị môi trường bị hủy hoại là 263.980.000 đồng (hai trăm sáu mươi ba triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng). Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật hình sự, đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố.

[3] Điều 243 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

...

đ) Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông (m²) đến dưới 50.000 mét vuông (m²)”.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý và bảo vệ rừng của Nhà nước và, gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, xâm hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, s khoản 1 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước.

[6] Về hình phạt:

[6.1] Về hình phạt chính: Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy: các bị cáo có nhân thân tốt; khi phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 (theo các điểm b, s) Điều 51 của bộ luật hình sự; mặt khác nguyên nhân phạm tội cũng có một phần do điều kiện kinh tế khó khăn, mục đích bị cáo chặt, phá rừng là để mở rộng diện tích canh

tác, nuôi sống bản thân và gia đình; bản thân bị cáo là người cao tuổi thuộc dân tộc thiểu số nên nhận thức về pháp luật có phần còn hạn chế Hội đồng xét xử thấy cần thiết cho bị cáo được áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để bị cáo có điều kiện tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Bị cáo là phụ nữ, thuộc nhóm người cao tuổi nên tính nguy hiểm cho xã hội hoặc nguy cơ phạm tội mới là không cao. Mặt khác, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022) của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý giáo dục bị cáo với một thời gian thử thách phù hợp, điều đó cũng đáp ứng được mục đích của hình phạt. Trường hợp bị cáo vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong thời gian thử thách thì phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

[6.2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật hình sự thì các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự (bồi thường thiệt hại):

Nguyên đơn dân sự đề nghị bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật, số tiền bị cáo phải bồi thường như nội dung Bản kết luận định giá đã xác định là 263.980.000 đồng (hai trăm sáu mươi ba triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng), tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự. Trong giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tác động đến gia đình tự nguyện nộp đủ số tiền 263.980.000 đồng (hai trăm sáu mươi ba triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B để bồi thường, khắc phục hậu quả cho Nhà nước. Xét thấy đây là quan hệ dân sự, các bên tự nguyện thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, không trái với pháp luật, đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận trong bản án.

[8] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu hoặc đề nghị gì về tài sản hoặc có yêu cầu gì khác đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 con dao (dạng dao quắm), chiều dài cả cán dao và lưỡi dao là 56 cm, lưỡi dao bằng kim loại, đầu lưỡi dao cong, cán dao bằng gỗ, đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu, tiêu hủy. Đối với 01 Máy cưa, nhãn hiệu Husqvarna 5 màu đỏ, cam, chiều dài 90 cm, lưỡi cưa bằng kim loại, gắn dây xích, đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với 435 (bốn trăm ba mươi năm) cây gỗ rừng tự nhiên bị chặt hạ bị cáo đã tự nguyện nộp trước toàn bộ tiền bồi thường cho Nhà nước theo quy định của pháp luật, trong đó đã bao gồm khoản tiền bồi thường về giá trị lâm sản bị hủy hoại

(tổng khối lượng gỗ cây rừng tự nhiên bị hủy hoại 52,89m³) theo nội dung bản kết luận định giá. Tại phiên tòa bị cáo đề nghị được nhận lại số cây này để sử dụng, quan điểm của bị cáo đã được nguyên đơn dân sự đồng ý nên cần giao cho bị cáo.

[10] Về án phí: Tại phiên tòa, bị cáo đề nghị được miễn án phí hình sự sơ thẩm vì bị cáo là người cao tuổi. Xét yêu cầu của bị cáo là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo; nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: điểm đ khoản 2 Điều 243; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Dương Sâm M phạm tội “Hủy hoại rừng”

Xử phạt bị cáo Dương Sâm M 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Dương Sâm M cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Q giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật dân sự: buộc bị cáo Dương Sâm M phải bồi thường cho Nhà nước (do Ủy ban nhân dân huyện B làm đại diện) tổng số tiền 263.980.000 đồng (hai trăm sáu mươi ba triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền bị cáo đã bồi thường trước nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B là 263.980.000 đồng (hai trăm sáu mươi ba triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng), theo các Biên lai thu tiền số 0006772 ngày 16/01/2023, số 0006778 ngày 17/01/2023, số 0006793 ngày 14/3/2023 và số 0006795 ngày 20/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Q.

3. Căn cứ vào: điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, các điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy: 01 con dao (dạng dao quắm), cán dao bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, tổng chiều dài 56cm, đã qua sử dụng. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 cửa máy nhãn hiệu Husqvarna, màu đỏ, cam, lưỡi cửa bằng kim loại gắn dây xích, chiều dài máy là 90cm, đã qua sử dụng. Tình trạng vật chứng như Biên bản giao vật chứng, tài sản lập ngày

24/02/2023, giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Chẽ và Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Q.

Giao toàn bộ 435 cây gỗ rừng tự nhiên bị chặt hạ trên diện tích 12.500 m² tại lô 14, khoảng 15, tiểu khu 129, thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Q cho bị cáo Dương Sám M sử dụng. Tình trạng, vị trí cây như Biên bản giao, nhận vật chứng, đồ vật ngày 12/7/2022, giữa Phòng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh Quảng Ninh và Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Q.

4. Căn cứ vào: Điều 121; Điều 124; điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự; hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh” và “Tạm hoãn xuất cảnh” của Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đang được áp dụng đối với bị cáo Dương Sám M.

5. Căn cứ vào: khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) cho bị cáo Dương Sám M.

6. Căn cứ vào: các khoản 1, 3 và 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Ba Chẽ;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Chẽ;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Ba Chẽ;
- Chi cục THADS huyện Ba Chẽ;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quyền